

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐỨC LINH
TỈNH BÌNH THUẬN**

Bản án số: 42/2025/DS-ST

Ngày: 20-5-2025

V/v tranh chấp hợp đồng vay

tài sản

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỨC LINH, TỈNH BÌNH THUẬN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thị Mỹ Dung

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Đức Sơn

2. Bà Huỳnh Thị Tâm

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Tấn Sang, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận.

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Linh tham gia phiên tòa:Bà Nguyễn Thị Hồng - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 5 năm 2025, tại Tòa án nhân dân huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 89/2025/TLST-DS ngày 13 tháng 3 năm 2025 về Tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 92/2025/QĐXXST-DS ngày 15/4/2025, Quyết định hoãn phiên tòa số 86/2025/QĐST-DS ngày 08/5/2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Trần Chí T, sinh năm 1950; nơi cư trú: Số U1, đường T1, khu phố X3, thị trấn Đ4, huyện Đ1, tỉnh B.

- Bị đơn: Bà Đoàn Thị A (tên gọi khác là Đoàn Thị A1), sinh năm 1955; Nơi cư trú: Số U3, đường T3, tổ V3, khu phố X3, thị trấn Đ4, huyện Đ1, tỉnh B.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Nguyễn C, sinh năm 1949; Nơi cư trú: Số U3, đường T3, tổ V3, khu phố X3, thị trấn Đ4, huyện Đ1, tỉnh B.

2. Bà Võ Thị X, sinh năm 1962; Nơi cư trú: Số U1, đường T1, khu phố X3, thị trấn Đ4, huyện Đ1, tỉnh B.

Người đại diện hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Võ Thị X: Ông Trần Chí T, sinh năm 1950; Nơi cư trú: Số U1, đường T1, khu phố X3, thị trấn Đ4, huyện Đ1, tỉnh B, là người đại diện theo ủy quyền (văn bản ủy quyền ngày 01/4/2025).

Ông T, bà A có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt. Ông C vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện đề ngày 28/02/2025, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và đơn đề nghị thay đổi thông tin đương sự, nguyên đơn đồng thời là người đại diện hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Võ Thị X là ông Trần Chí T trình bày:

Ông T và ông Nguyễn C, bà Đoàn Thị A1 (tên thật là Đoàn Thị A) là người quen. Ngày 11/8/2023, ông C, bà A1 có vay của ông T số tiền 100.000.000 đồng để làm ăn chăm lo kinh tế gia đình, việc mượn tiền thỏa thuận trả lãi 3%/tháng, không hẹn thời hạn trả, có lập giấy (giấy mẫu in sẵn chưa trống) do bà A1 là người điền thông tin, trong giấy chỉ có chữ ký của bà A1, ngày ghi giấy là ngày 11/8/2023. Ông T đã giao đủ tiền cho bà A1. Tuy nhiên, từ đó tới nay, bà A1 chưa trả lại cho ông T số tiền này và cũng chưa trả được khoản tiền lãi nào cho ông T.

Ngày 12/10/2023, ông C, bà A1 có vay của ông T số tiền 20.000.000 đồng để làm ăn chăm lo kinh tế gia đình, việc mượn tiền thỏa thuận trả lãi 3%/tháng, không hẹn thời hạn trả, có lập giấy (giấy mẫu in sẵn chưa trống) do bà A1 là người điền thông tin, trong giấy chỉ có chữ ký của bà A1, ngày ghi giấy là ngày 12/10/2023. Ông T đã giao đủ tiền cho bà A1. Từ đó tới nay, bà A1 trả được 8.000.000 đồng tiền gốc (vào khoảng đầu năm 2025), đối với nợ gốc 12.000.000 đồng và các khoản lãi khác bà A1 chưa trả được.

Số tiền ông T cho bà A1, ông C mượn là tiền cá nhân của ông T, không phải tài sản chung của ông T và bà Võ Thị X.

Nay, ông T khởi kiện tại Tòa án buộc ông Nguyễn C, bà Đoàn Thị A1 có trách nhiệm thanh toán cho ông T số tiền gồm:

- Tiền nợ gốc của khoản vay ngày 11/8/2023 là 100.000.000 đồng (Một trăm triệu đồng) cùng tiền lãi tạm tính từ ngày 12/8/2023 đến ngày 08/4/2025 với mức lãi suất 1,66%/tháng là 32.978.000 đồng. Tổng cộng là 132.978.000 đồng.

- Tiền nợ gốc của khoản vay ngày 12/10/2023 là 12.000.000 đồng (Mười hai triệu đồng) cùng tiền lãi tạm tính từ ngày 13/10/2023 đến ngày 08/4/2025 với mức lãi suất 1,66%/tháng là 3.552.000 đồng. Tổng cộng là 15.552.000 đồng.

Tổng số tiền ông C, bà A1 phải trả cho ông T đối với hai khoản nợ là 148.530.000 đồng (Một trăm bốn mươi tám triệu năm trăm ba mươi nghìn đồng), gồm: Tiền nợ gốc là 112.000.000 đồng, tiền lãi là 36.530.000 đồng. Tiền lãi tiếp tục tính với mức lãi suất 1,66%/tháng cho đến khi ông C, bà A1 thanh toán xong hết các khoản nợ. Ngoài ra ông T không yêu cầu tính thêm khoản lãi nào khác.

Theo thông tin địa phương cung cấp và do bị đơn bà Đoàn Thị A1 khai nhận, tên thật của bị đơn là Đoàn Thị A. Vì vậy, ông T có đơn đề nghị Tòa án thay đổi thông tin về họ tên của bị đơn từ Đoàn Thị A1 thành Đoàn Thị A.

* Tại bản tự khai ngày 19/5/2025, ông Trần Chí T trình bày: Tại đơn khởi kiện, ông T trình bày bà A, ông C có trả được 4.000.000 đồng tiền lãi. Nay ông xác nhận số tiền 4.000.000 đồng này bà A trả là tiền gốc chứ không phải tiền lãi, và bà đã trả được tổng cộng 8.000.000 đồng tiền gốc. Số tiền này ông T trừ vào tiền vay

20.000.000 đồng ngày 12/10/2023, vì vậy tiền gốc của khoản vay này còn lại 12.000.000 đồng.

Ông T có yêu cầu buộc bà A và ông C trả số tiền:

- Tiền nợ gốc của khoản vay ngày 11/8/2023 là 100.000.000 đồng và tiền lãi tính từ ngày 12/8/2023 đến ngày 08/4/2025 với mức lãi suất 1,66%/tháng là 32.978.000 đồng. Tổng cộng là 132.978.000 đồng.

- Tiền nợ gốc của khoản vay ngày 12/10/2023 là 12.000.000 đồng và tiền lãi tính từ ngày 13/10/2023 đến ngày 08/4/2025 với mức lãi suất 1,66%/tháng là 3.552.000 đồng. Tổng cộng là 15.552.000 đồng.

Tổng số tiền ông C, bà A phải trả cho ông T đối với hai khoản nợ là 148.530.000 đồng (Một trăm bốn mươi tám triệu năm trăm ba mươi nghìn đồng), gồm: Tiền nợ gốc là 112.000.000 đồng, tiền lãi là 36.530.000 đồng.

Ông T không yêu cầu khoản lãi từ ngày 09/4/2025 đến ngày xét xử sơ thẩm ngày 20/5/2025. Lãi tiếp tục được tính sau ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi bà A, ông C trả hết tiền nợ với mức lãi suất 1,66%/tháng.

- Tại bản tự khai ngày 08/4/2025, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn bà Đoàn Thị A trình bày: Ngày 11/8/2023, có vay của ông T 100.000.000 đồng, thỏa thuận lãi 3%/tháng. Ngày 12/10/2023, vay 20.000.000 đồng, lãi 3%/tháng, đã dùng để mua xe phục vụ việc làm ăn.

Bà A đã trả được 8.000.000 đồng, còn nợ lại 112.000.000 đồng. Nay ông T khởi kiện yêu cầu vợ chồng bà A phải trả 112.000.000 đồng tiền gốc và tiền lãi thì bà đồng ý trả tiền gốc là 112.000.000 đồng, bà đề nghị ông T không tính lãi.

Giấy vay tiền ông T cung cấp cho Tòa án đúng là chữ ký của bà A. Bà tên là Đoàn Thị A nhưng ghi nhầm trong giấy là Đoàn Thị A1. Số tiền vợ chồng bà A vay của ông T dùng để phục vụ gia đình mua xe tải kinh doanh.

- Theo Biên bản xác minh ngày 07/5/2025 của Tòa án nhân dân huyện Đức Linh đối với bà Nguyễn Thị Th, là con ruột sống chung với ông Nguyễn C và bà Đoàn Thị A về mục đích sử dụng tiền vay của bị đơn và được cung cấp nội dung như sau: Tuy giấy vay tiền chỉ có chữ ký của bà Đoàn Thị A, nhưng số tiền bà A vay của ông T là dùng để mua xe tải kinh doanh kiếm tiền trang trải chi phí sinh hoạt trong gia đình, chi phí điều trị bệnh, lo ăn uống và mua thuốc cho ông Nguyễn C, vì sau khi bị tai biến thì ông C không còn khả năng lao động. Mọi chi phí trong gia đình đều do bà A gánh vác.

- Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Linh:

- + Về tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý cho đến tại phiên tòa, Tòa án và nguyên đơn đồng thời là người đại diện hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Võ Thị X là ông Trần Chí T, bị đơn bà Đoàn Thị A chấp hành đúng pháp luật về tố tụng dân sự, có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn C đã được triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa vào ngày 08/5/2025 và ngày 20/5/2025 nhưng vắng mặt không có lý do.

Căn cứ Điều 227, 228, Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự là đúng quy định.

+ Về nội dung: Theo các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ, nguyên đơn ông T và bị đơn bà A đều thừa nhận giữa hai bên có quan hệ mượn tiền, số tiền gốc còn nợ là 112.000.000 đồng. Bà A đồng ý trả số tiền này cho ông T, đây là tình tiết không cần phải chứng minh. Nghĩa vụ trả nợ thuộc về bà A, ông C vì mục đích vay tiền theo bà A khai là để phục vụ kinh tế gia đình, bên cạnh đó, bà A và ông C là vợ chồng hợp pháp.

Về lãi suất vay: Hai bên thỏa thuận lãi suất trong 02 Giấy vay tiền là 3%/tháng, không ghi thời hạn trả. Nay, ông T yêu cầu tính theo mức lãi suất 1,66%/tháng đối với 02 khoản vay là phù hợp, cụ thể: tiền lãi của khoản vay ngày 11/8/2023 tính từ ngày 12/8/2023 đến ngày 08/4/2025 với mức lãi suất 1,66%/tháng là 32.978.000 đồng. Tiền lãi của khoản vay ngày 12/10/2023 tính từ ngày 13/10/2023 đến ngày 08/4/2025 với mức lãi suất 1,66%/tháng là 3.552.000 đồng.

Tại đơn khởi kiện, ông T trình bày bà A đã trả được 4.000.000 đồng tiền lãi, vì vậy, cần trừ số tiền này vào tổng tiền lãi. Như vậy, cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với bà Đoàn Thị A, ông Nguyễn C.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Về sự vắng mặt của đương sự: Nguyên đơn đồng thời là người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Võ Thị Xlà ông Trần Chí T, bị đơn bà Đoàn Thị A có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn C đã được triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa vào ngày 08/5/2025 và ngày 20/5/2025 nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ vào Điều 227, 228, Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt các đương sự.

- Về thay đổi thông tin đương sự: Theo thông tin căn cước công dân do bị đơn cung cấp và sự thừa nhận của bị đơn thì bà tên thật là Đoàn Thị A. Vì vậy, nguyên đơn có đơn đề nghị thay đổi thông tin bị đơn từ Đoàn Thị A1 sang Đoàn Thị A là phù hợp.

[2] Về nội dung: Ông T khởi kiện buộc vợ chồng bà Đoàn Thị A, ông Nguyễn C phải chịu trách nhiệm trả số tiền 148.530.000 đồng (Một trăm bốn mươi tám triệu năm trăm ba mươi nghìn đồng), gồm: Tiền nợ gốc là 112.000.000 đồng, tiền lãi là 36.530.000 đồng, cụ thể:

- Tiền lãi của khoản vay 100.000.000 đồng tính từ ngày 12/8/2023 đến ngày 08/4/2025 với mức lãi suất 1,66%/tháng là 32.978.000 đồng.

- Tiền lãi của khoản vay 12.000.000 đồng tính từ ngày 13/10/2023 đến ngày 08/4/2025 với mức lãi suất 1,66%/tháng là 3.552.000 đồng.

Ông T không yêu cầu khoản lãi từ ngày 09/4/2025 đến ngày xét xử sơ thẩm ngày 20/5/2025. Lãi tiếp tục được tính sau ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi bà A, ông C trả hết tiền nợ với mức lãi suất 1,66%/tháng.

Nộp kèm là 02 bản chính Giấy vay tiền ngày 11/8/2023 và Giấy vay tiền ngày 12/10/2023.

[3] Theo Giấy vay tiền ngày 11/8/2023 do nguyên đơn cung cấp cho Tòa án thể hiện nội dung: chồng Nguyễn C, vợ Đoàn Thị A1, tuổi 1955, hiện cư ngụ tại tổ V3, khu phố X3, tt Đ4 hôm nay ngày 11/8/2023, vợ chồng có vay của ông Trần Chí T số tiền 100.000.000 đồng, lãi suất 3%/tháng để cùng nhau làm ăn kinh tế, mua sắm, sử dụng trong gia đình. Phía dưới có chữ ký Đoàn Thị A1.

Theo Giấy mượn tiền ngày 12/10/2023 do nguyên đơn cung cấp cho Tòa án thể hiện nội dung: chồng Nguyễn C, vợ Đoàn Thị A1, tuổi 1955, hiện cư ngụ tại tổ 3, khu phố 2, hôm nay ngày 12/10/2023, vợ chồng có vay của ông Trần Chí T số tiền 20.000.000 đồng, lãi suất 3%/tháng để cùng nhau làm ăn kinh tế, mua sắm, sử dụng trong gia đình. Phía dưới có chữ ký Đoàn Thị A1.

[3.1] Bị đơn bà Đoàn Thị A thừa nhận vào các ngày 11/8/2023, ngày 12/10/2023 có lập và ký các Giấy mượn tiền với ông Trần Chí T, nội dung giống như các Giấy mượn tiền do nguyên đơn cung cấp cho Tòa án. Theo bà A trình bày, bà tên Đoàn Thị A, tuy nhiên do nhầm lẫn nên trong giấy vay tiền bà ghi tên Đoàn Thị A1 và ký tên Á. Bà A xác nhận có nợ ông T số tiền 120.000.000 đồng. Như vậy, thực tế giữa ông T, bà A có việc mượn số tiền là 120.000.000 đồng.

Theo ông T trình bày tại đơn khởi kiện, bà A, ông C có trả được 4.000.000 đồng tiền lãi. Tuy nhiên, quá trình tố tụng, ông T xác nhận số tiền 4.000.000 đồng này bà A trả là tiền gốc, và bà A đã trả được tổng cộng 8.000.000 đồng, được ông T trừ vào tiền vay 20.000.000 đồng ngày 12/10/2023. Vì vậy tiền gốc của khoản vay này còn lại 12.000.000 đồng. Tổng số nợ chỉ còn là 112.000.000 đồng. Đây là tình tiết không cần phải chứng minh được quy định tại Điều 92 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

[3.2] Bị đơn bà A thừa nhận số tiền mượn dùng để phục vụ gia đình mua xe tải kinh doanh. Theo Biên bản xác minh ngày 07/5/2025 của Tòa án nhân dân huyện Đức Linh đối với bà Nguyễn Thị Th, là con ruột sống chung với ông Nguyễn C và bà Đoàn Thị A thì mục đích sử dụng tiền vay của bị đơn dùng để mua xe tải kinh doanh kiếm tiền trang trải chi phí sinh hoạt trong gia đình, chi phí điều trị bệnh, lo ăn uống và mua thuốc cho ông Nguyễn C, vì sau khi bị tai biến thì ông C không còn khả năng lao động. Mọi chi phí trong gia đình đều do bà A gánh vác. Như vậy, số tiền này để chăm sóc sức khỏe cho ông C và chăm lo kinh tế gia đình. Do đó, căn cứ theo quy định tại Điều 37 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 về nghĩa vụ chung về tài sản của vợ chồng, thì khoản tiền mượn này là khoản nợ chung của vợ chồng bà A, ông C. Do đó, trách nhiệm trả số tiền này cho nguyên đơn thuộc về cả hai vợ chồng bà A, ông C.

Ông T trình bày số tiền cho bà A, ông C vay là tài sản riêng của ông T, không phải là tài sản chung của vợ chồng ông T, bà X.

Như vậy, bà A, ông C có trách nhiệm thanh toán số tiền nợ 112.000.000 đồng cho ông T là phù hợp. Từ đó có căn cứ xác định, việc ông T khởi kiện yêu cầu bà A, ông C thanh toán số tiền nợ là có cơ sở theo quy định tại Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015.

[4] Về lãi suất: Theo nội dung các Giấy mượn tiền thì lãi suất thỏa thuận là 3%/tháng, không hẹn thời gian trả. Đây là hợp đồng vay có tính lãi suất, không có thời hạn. Nguyên đơn xác định từ sau khi mượn tiền, bà A, ông C không trả lãi, đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán, do đó, việc nguyên đơn yêu cầu tính lãi là phù hợp.

Nguyên đơn yêu cầu số tiền lãi là 36.530.000 đồng, gồm:

- Tiền lãi của khoản vay 100.000.000 đồng tính từ ngày 12/8/2023 đến ngày 08/4/2025 với mức lãi suất 1,66%/tháng là 32.978.000 đồng.
- Tiền lãi của khoản vay 12.000.000 đồng tính từ ngày 13/10/2023 đến ngày 08/4/2025 với mức lãi suất 1,66%/tháng là 3.552.000 đồng.

Mức lãi suất và số tiền lãi do nguyên đơn đưa ra là phù hợp với quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015. Vì vậy có cơ sở chấp nhận.

[5] Từ những phân tích trên, có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với bà Đoàn Thị A, ông Nguyễn C. Từ đó chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm án phí, lệ phí Tòa án thì bà Đoàn Thị A và ông Nguyễn C phải chịu án phí theo quy định. Tuy nhiên, bà A có đơn xin miễn giảm tiền án phí ngày 08/4/2025 và ông C có đơn xin miễn giảm tiền án phí ngày 07/5/2025 với lý do bà A, ông C thuộc trường hợp là người cao tuổi. Theo căn cước công dân do bà A, ông C cung cấp, thì bà A sinh năm 1955, ông C sinh năm 1949, ông bà thuộc trường hợp quy định tại Điểm đ Khoản 1 Điều 12, Điều 14 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Vì vậy, bà A, ông C được miễn án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 26, 35, 39, 74, 92, 144, 147, 227, 228, 238, 271, 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

Các Điều 357, 463, 466, 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Điều 37 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Điều 13 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm;

Điểm đ Khoản 1 Điều 12, Điều 14, Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Trần Chí T đối với bà Đoàn Thị A, ông Nguyễn C về tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

Buộc bà Đoàn Thị A, ông Nguyễn C có trách nhiệm thanh toán cho ông Trần Chí T số tiền 148.530.000 đồng (Một trăm bốn mươi tám triệu năm trăm ba mươi nghìn đồng), gồm: Tiền nợ gốc là 112.000.000 đồng (Một trăm mười hai triệu đồng), tiền lãi tính đến ngày 08/4/2025 với mức lãi suất 1,66%/tháng là 36.530.000 đồng (Ba mươi sáu triệu năm trăm ba mươi nghìn đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Bà Đoàn Thị A, ông Nguyễn C được miễn án phí.

- Ông Trần Chí T thuộc trường hợp được miễn tạm ứng án phí, án phí theo quy định tại Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội số 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án nên vấn đề hoàn trả tiền tạm ứng án phí và án phí không đặt ra xử lý, xem xét.

3. Dương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- Dương sự (4);
- VKSND huyện Đức Linh (1);
- CC THADS huyện Đức Linh (1);
- TAND tỉnh Bình Thuận (1);
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án (2).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Phan Thị Mỹ Dung